NGỮ PHÁP CƠ BẢN KHỐI 3

Grammar:

Trong thì hiện tại đơn, động từ "TO BE" có tất cả 3 biến thể là AM, IS và ARE. Chúng được dùng tương ứng với từng loại chủ ngữ như sau:

1. "Am" được dùng cho chủ ngữ duy nhất là "I"
   Viết tắt: I am = I'm
   Example: I am a student. (I'm a student)
2. "Is" được dùng cho các chủ ngữ: "He, She, It, danh từ số ít"
   Viết tắt: He is = He's, She is = She's, It is = It's
   Example: He is a singer. (He's a singer)
3. "Are" được dùng cho các chủ ngữ: "You, We, They, danh từ số nhiều"
   Viết tắt: You are = You're, We are = We're, They are = They're
   Example: They are twins. (They're twins)

Tóm tắt: I + Am
He, She, It, danh từ số ít + Is
You, We, They, danh từ số nhiều + Are

I. Điền am/is/are vào chỗ trống.

1. I……a student.
2. He……. hungry.
3. She ……...happy.
4. We ……late.
5. They…… from England.
6. It……very cold today.
7. She……in the living room.
8. I ……...not feeling well.
9. It……. a tiger.
10. I……24 years old
11. She…… from France.
12. We…… friends.
13. You……. a teacher.
14. I……very thirsty.
15. The dog ...…… under the table.
16. It…….so hot.
17. This book……cheap.
18. Chris……. 20 today.
19. My name …… Nikita.
20. Clara and Steve …… married.

LIVEWORKSHEETS

Grammar:

- A/An được dùng trước một danh từ đếm được số ít. Chúng có nghĩa là một. Chúng được dùng trong câu có tính khái quát hoặc đề cập đến một chủ thể chưa được đề cập từ trước.
- "An" khi chữ đằng sau bắt đầu bằng nguyên âm (a, o, u e,i) và "h" câm
  Example: An umbrella, an hour,…
- "A" khi chữ đằng sau bắt đầu bằng các phụ âm còn lại.
  Example: A table, a pen,…

II. Điền "a/an"

1…… chair

2…… old man

3…… box

4…… pen

5…… animal

6…… eye

7…… arm

8…… ugly dog

9…… girl

10…… student

11…… small apple

12…… computer

13…… apple

14…… tiger

15. …… elephant

16…… bag

17…… eraser

18…… clock

19…… teacher

20…… elevator

LIVEWORKSHEETS